

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS - ST

Ngày: 31/01/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy Phượng

Ông Đỗ Thành Tiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 475/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, To Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Bửu N, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ B, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (To văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 8 năm 2023).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- To đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Mỹ D là nguyên đơn có đại diện To

Ủy quyền trình bày: Vào ngày 19 tháng 9 năm 2018 bà Nguyễn Thị Hồng T có mượn của bà Huỳnh Thị Mỹ D số vàng là 10 chỉ vàng 24kara và hẹn 01 năm sau sẽ trả. Tại đơn kiện trước đây bà D yêu cầu bà Hồng T trả lại số vàng đã mượn là 10 chỉ vàng 24k và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm cho đến khi trả xong nợ; do bà Hồng T không chịu trả To yêu cầu của bà D nên phát sinh tranh chấp. Quá trình giải quyết ban đầu bà D muốn thỏa thuận giải quyết cho xong nên tự nguyện quy ra giá tiền của 10 chỉ vàng 24kara bằng 56.000.000 đồng, bà D giảm cho bà Hồng T thêm 3.000.000 đồng còn 53.000.000 đồng, do bà Hồng T trả cho bà D 10.000.000 đồng nên trừ đi số tiền này. Như vậy, số tiền bà Hồng T còn thiếu bà D là 43.000.000 đồng nhưng đây là thỏa thuận với điều kiện bà Hồng T trả 01 lần. Tuy nhiên, bà Hồng T đã không đồng ý trả nợ To yêu cầu của bà D đưa ra mà bà Hồng T lại hẹn trả từng lần nên bà D không đồng ý nên bà D đã thay đổi giá 10 chỉ vàng 24kara quy thành tiền bằng 60.000.000 đồng. Do đó, bà D yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T trả lại số vàng đã mượn và quy ra giá của là 10 chỉ vàng 24kara tương đương 60.000.000 đồng trừ đi 10.000.000 đồng bà Hồng T đã trả trước đó; số tiền còn lại là 50.000.000 đồng, bà D yêu cầu bà Hồng T phải tiếp tục trả lại cho bà D. Bà D rút lại yêu cầu tính lãi To đơn khởi kiện đã nêu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T có lời khai như sau: Bà thừa nhận có vay của bà D 10 chỉ vàng 24kara, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chưa có tiền trả nợ cho bà D. Trước đây, bà D có hứa với bà chỉ quy ra số tiền của 10 chỉ vàng 24kara bằng 50.000.000 đồng và cho tôi trả mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nay bà D khởi kiện bà ra Tòa quy ra giá 10 chỉ vàng 24k tương đương 56.000.000 đồng; bà D hứa giảm cho bà 3.000.000 đồng, trừ đi số tiền bà trả trước được 10.000.000 đồng, số còn thiếu lại là 43.000.000 đồng chưa trả. Do hoàn cảnh bà khổ quá không có tiền trả một lược mà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bà không chịu để Tòa án ghi nhận bà trả một lược như yêu cầu của bà D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình To quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện bà D yêu cầu bà Hồng T trả 10 chỉ vàng 24kara và yêu cầu tính lãi To quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa bà D tự nguyện quy đổi giá trị 10 chỉ vàng 24k tương đương 60.000.000 đồng và trừ đi 10.000.000 đồng do bà Hồng T trả trước, còn lại 50.000.000 đồng buộc bà T trả tiếp tục trả cho bà D. Bà Hồng T thừa nhận có thiếu vàng bà D nhưng chưa có tiền trả. Xét thấy, bà D cho bà Hồng T mượn 10 chỉ vàng 24kara có làm biên nhận và bà Hồng T cũng thừa nhận có thiếu vàng như yêu cầu của bà D nên đây là sự kiện có thật, không phải chứng minh To quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa bà D tự nguyện rút phần yêu cầu tính lãi nên chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của bà D là phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/12/2012 quy định về quản lý, hoạt động kinh doanh vàng thì vàng sẽ được quy đổi thành tiền, cho nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 10 chỉ vàng 24kara và quy đổi thành tiền tương đương 60.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận (trừ số tiền đã trả trước là 10.000.000 đồng); số tiền còn lại 50.000.000 đồng buộc bà Hồng T tiếp tục trả cho bà D. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí To quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải trả 10 chỉ vàng 24k bà đã cho mượn, nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Mặt khác, bà T có hộ khẩu thường trú tại ấp Trà Diêu, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Bà D cho bà Hồng T mượn 10 chỉ vàng 24k, có làm giấy mượn nợ do bà Hồng T ký nhận và bà T cũng thừa nhận là có mượn 10 chỉ vàng 24k của bà D. Do đó, việc mượn vàng là có thật, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh To quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét đơn khởi kiện bà D yêu cầu bà Hồng T trả 10 chỉ vàng 24k; quá trình giải quyết vụ án bà D khai bà Hồng T đã trả được 10.000.000 đồng và bà D cũng muốn thỏa thuận với bà T nên đã quy ra giá 10 chỉ vàng 24k bằng 56.000.000 đồng, trừ đi 10.000.000 đồng bà T đã trả được và đồng ý giảm cho bà T thêm 3.000.000 đồng thì bà T chỉ phải trả cho bà D 43.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Hồng T không chịu thương lượng mà cố tình kéo dài gây khó khăn và mất thời gian dẫn đến Tòa án phải xét xử nên bà D thay đổi ý kiến quy ra giá vàng To lời khai ban đầu đã nêu trên mà bà D sẽ quy ra giá trị của 10 chỉ vàng 24kara tương đương 60.000.000 đồng. Việc bà Hồng T thừa nhận có mượn 10 chỉ vàng 24kara của bà D nhưng không chịu thỏa thuận với bà D mà bà Hồng T yêu cầu trả mỗi tháng 01 lần bằng 5.000.000 đồng nên bà D không chấp nhận mà yêu cầu bà Hồng T phải trả một lần. Xét thấy, lúc bà D cho bà T mượn vàng cả hai không có thỏa thuận phương thức trả nợ như bà T yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận theo phương thức trả nợ do bà Hồng T đưa

ra. Qua đó, cho thấy bà Hồng T không đồng ý thỏa thuận với bà D chỉ nhằm mục đích là cố tình từ chối thực hiện nghĩa vụ của đối với bà D. Tại phiên tòa hôm nay bà D yêu cầu bà Hồng T trả cho bà D giá trị 10 chỉ vàng 24k tương đương 60.000.000 đồng và đồng ý trừ đi 10.000.000 đồng bà Hồng T đã trả trước, số tiền còn lại là 50.000.000 đồng yêu cầu bà T tiếp tục trả cho bà D là hoàn toàn phù hợp. Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/12/2012 quy định về quản lý, hoạt động kinh doanh vàng thì vàng sẽ được quy đổi ra thành tiền. Tại thời điểm xét xử bà D thống nhất quy ra giá 10 chỉ vàng 24kara tương đương 60.000.000 đồng (giá thị trường 01 chỉ vàng 24kara tương đương 6.300.000 đồng). Xét thấy, giá vàng do và D tự nguyện quy ra giá trị của 01 chỉ vàng 24kara tương đương 6.000.000 đồng là tự nguyện và phù hợp thực tế nên được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Ngoài ra, To đơn khởi kiện bà D có yêu cầu tính lãi To quy định pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay bà D xin rút lại yêu cầu tính lãi; việc xin rút yêu cầu tính lãi của bà D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà D là phù hợp To quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền tạm ứng đã nộp là 1.450.000 đồng To biên lai thu tiền số 0017707 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí To quy định.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án To quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116; 117; 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định số 24/2012/NĐ - CP ngày 03/12/2012 của Chính phủ quy định về quản lý, hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền 50.000.000 đồng (Giá 10 chỉ vàng 24k tương đương 60.000.000 đồng và đã trừ đi 10.000.000 đồng trả trước). Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Huỳnh Thị Mỹ D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án To mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D số tiền tạm ứng đã nộp là 1.450.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017707 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai

